

THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TẠI HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

LÊ THỊ THU THỦY

Khoa Ngoại ngữ, Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 12/02/2026. Sửa chữa xong 18/03/2026. Duyệt đăng 19/03/2026.

Abstract

Through this article, the author highlights the most prominent advantages and disadvantages of teaching specialized English in Vietnamese People's Public Security institutions today. Teaching specialized English is a highly specialized field that not only creates numerous opportunities to enhance language proficiency in professional settings but also poses considerable challenges for both teachers and students. Therefore, improving the quality of specialized English teaching requires comprehensive investment, including enhancing teachers' professional capacity, innovating teaching methods toward more practice-oriented approaches, and simultaneously developing and selecting appropriate teaching materials suited to the current specific context.

Keywords: Advantages, challenges, People's Police Academy, solutions, specialized English.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, năng lực sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành (TACN) ngày càng trở thành yêu cầu thiết yếu đối với lực lượng Công an. TACN không chỉ đóng vai trò là công cụ giao tiếp giữa các đối tác ở nhiều quốc gia mà còn là phương tiện tiếp cận tri thức nghiệp vụ, tài liệu pháp lý quốc tế và những mô hình thực hành tiên tiến. Đối với các trường và học viện của ngành Công an, việc phát triển năng lực TACN cho sinh viên (SV) mang ý nghĩa chiến lược, góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập và hiện đại hóa của ngành. Theo báo cáo của Interpol (2025) hơn 80% các hoạt động phối hợp điều tra quốc tế được thực hiện thông qua tiếng Anh, từ trao đổi thông tin đến xây dựng hồ sơ vụ án và tiến hành các cuộc họp đa phương. Điều này cho thấy tiếng Anh không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là phương tiện nghiệp vụ quan trọng trong hoạt động của lực lượng CAND Việt Nam hiện đại. Trong môi trường đào tạo tại Học viện Cảnh sát nhân dân (CSND), giảng dạy TACN không đơn thuần là hoạt động đào tạo ngôn ngữ mà còn là quá trình tích hợp giữa kiến thức ngoại ngữ và kiến thức chuyên ngành. Điều này đòi hỏi chương trình đào tạo phải cân bằng giữa mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp và yêu cầu chính xác về thuật ngữ, các hoạt động nghiệp vụ. Bài viết đề cập những thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy TACN Cảnh sát nhằm đề xuất định hướng cải tiến phù hợp trong giảng dạy TACN Cảnh sát tại Học viện CSND.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng nhấn mạnh việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế [1, tr. 3]. Đối với ngành Công an, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết khi Việt Nam tham gia ngày càng sâu vào các tổ chức và cơ chế hợp tác như ASEANAPOL, INTERPOL và các hiệp định hợp tác song phương. TACN có những đặc điểm riêng biệt so với tiếng Anh tổng quát đó là: - Về nội dung: TACN tập trung vào hệ

Email:

thống thuật ngữ pháp lý, điều tra và hành chính công. Những thuật ngữ không chỉ mang nghĩa ngôn ngữ mà còn gắn liền với quy trình nghiệp vụ cụ thể. Việc hiểu sai hoặc sử dụng không chính xác có thể dẫn đến sai lệch về mặt pháp lý; - Về ngữ cảnh sử dụng: TACN thường gắn với các tình huống thực tế như lấy lời khai, xử lý hiện trường, kiểm tra hành chính hoặc trao đổi thông tin với đối tác quốc tế. Điều này đòi hỏi người học không chỉ nắm vững từ vựng mà còn phải hiểu được quy trình và logic nghiệp vụ; - Về kỹ năng: TACN nhấn mạnh khả năng giao tiếp trong môi trường áp lực cao, trong tình huống xử lý khẩn cấp, cán bộ Công an cần sử dụng tiếng Anh một cách chính xác, rõ ràng và nhanh chóng. Điều này khác biệt với môi trường học thuật thông thường, nơi người học có nhiều thời gian suy nghĩ và điều chỉnh. Điều đó đòi hỏi chương trình đào tạo phải linh hoạt, cập nhật và gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp nên việc giảng dạy TACN không chỉ phục vụ mục tiêu đào tạo trong nước mà còn hướng tới chuẩn hóa năng lực theo thông lệ quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của lực lượng Công an nhân dân (CAND) trong hợp tác toàn cầu.

Giảng dạy TACN Cảnh sát được xem là một hướng tiếp cận đào tạo ngoại ngữ dựa trên nhu cầu nghề nghiệp cụ thể của SV Học viện CSND. Mô hình giảng dạy TACN tập trung vào việc phát triển năng lực ngôn ngữ phục vụ trực tiếp cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ Công an, nhấn mạnh tính xác thực của ngữ liệu và bối cảnh sử dụng. Trong đào tạo tại Học viện CSND, việc gắn kết tiếng Anh với tình huống nghiệp vụ giúp tăng tính ý nghĩa của hoạt động học tập, từ đó thúc đẩy sự tự chủ và trách nhiệm của người học. SV nhận thấy giá trị thực tiễn của nội dung học tập, họ có xu hướng tham gia tích cực hơn và duy trì nỗ lực liên tục.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu trong TACN rất đa dạng nhưng phương pháp phân tích nhu cầu giữ vai trò trung tâm, kết hợp với các phương pháp như phân tích điển ngôn, nghiên cứu định tính - định lượng và nghiên cứu hành động sẽ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy TACN. Việc lựa chọn phương pháp cần phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, đối tượng người học và bối cảnh nghề nghiệp cụ thể.

Phương pháp phân tích nhu cầu được xem là nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng nhất trong nghiên cứu và giảng dạy TACN. Khác với tiếng Anh tổng quát TACN được thiết kế dựa trên mục tiêu sử dụng ngôn ngữ cụ thể trong từng lĩnh vực nghề nghiệp. Vì vậy, việc xác định chính xác nhu cầu của người học là điều kiện tiên quyết để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp và hiệu quả.

Trong bối cảnh đào tạo chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu theo phân tích nhu cầu giúp: Xác định các tình huống giao tiếp thực tế (hỏi cung, lập biên bản, hợp tác quốc tế...); Lựa chọn từ vựng và cấu trúc phù hợp với nghiệp vụ; Thiết kế bài giảng sát với công việc thực tế của người học. Ngoài ra, phương pháp này còn góp phần: Giảm tình trạng dạy “lệch nhu cầu”; Tăng hứng thú và động lực học tập; Nâng cao hiệu quả đầu ra trong giảng dạy TACN tại các trường, học viện CAND.

2.3. Một số đặc điểm của tiếng Anh chuyên ngành

Tiếng Anh chuyên ngành có những đặc điểm riêng biệt: - Hệ thống thuật ngữ chuyên môn phong phú và có tính chính xác cao. Ví dụ: evidence (chứng cứ), suspect (nghi phạm), warrant (lệnh), custody (tạm giữ), interrogation (thăm vấn); - Ngôn ngữ gắn chặt với quy trình nghiệp vụ. Người học không chỉ hiểu nghĩa mà còn phải hiểu cách sử dụng trong bối cảnh pháp lý cụ thể; - Yêu cầu kỹ năng giao tiếp trong môi trường áp lực cao, đòi hỏi phản xạ nhanh và chính xác; - Tính chuẩn mực và pháp lý cao, hạn chế sai sót trong diễn đạt. Vì vậy, việc nghiên cứu phải được thực hiện theo hướng tiếp cận định tính, dựa trên kinh nghiệm thực tiễn của tác giả trong vai trò giảng viên (GV) trực tiếp giảng dạy TACN tại Học viện CSND. Dữ liệu được thu thập thông qua quan sát lớp học, phản ánh sự phạm và phân tích sản phẩm học tập của SV. Các phương pháp này giúp ghi nhận mức độ tham gia, khó khăn trong học tập và mức độ phù hợp của nội dung giảng dạy. Dữ liệu sau đó được phân loại và tổng hợp theo các nhóm chủ đề chính, làm cơ sở để xác định thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp phù hợp với bối cảnh đào tạo.

2.4. Thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành tại Học viện Cảnh sát nhân dân

2.4.1. Thuận lợi

Từ góc độ là một GV giảng dạy trực tiếp và đào tạo TACN tại Học viện CSND cho thấy nhiều điều kiện thuận lợi, tạo nền tảng cho việc triển khai hiệu quả chương trình TACN:

a. *Về lĩnh vực tổ chức:* Sự quan tâm và định hướng chiến lược của Ban Giám đốc Học viện đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng giảng dạy. Việc xác định ngoại ngữ là một thành tố chiến lược trong đào tạo lực lượng cảnh sát của Học viện, cho nên việc phân bổ nguồn lực, chuẩn hóa chương trình và khuyến khích đổi mới phương pháp luôn được quan tâm và chỉ đạo sát sao. Môi trường quản lý thuận lợi giúp GV chủ động triển khai các mô hình dạy học hiện đại, tăng tính linh hoạt và tính ứng dụng trong quá trình giảng dạy TACN [4, tr. 5].

b. *Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ của Học viện CSND cũng là yếu tố hỗ trợ quan trọng:* Hệ thống phòng học tích hợp công nghệ, bảng thông minh và phương tiện đa phương tiện cho phép triển khai các hoạt động dạy học dựa trên tình huống và mô phỏng nghiệp vụ. Môi trường học tập trực quan không chỉ nâng cao mức độ tham gia của SV mà còn tạo điều kiện phát triển kỹ năng ngôn ngữ đặc biệt năng là nghe, nói thông qua tương tác với tài liệu âm thanh và hình ảnh thực tế.

Nhiều quốc gia trên thế giới đã triển khai các chương trình đào tạo TACN cho lực lượng cảnh sát với những cách tiếp cận hiệu quả. Tại Anh, chương trình đào tạo của “College of Policing” tích hợp tiếng Anh vào các khóa học nghiệp vụ, giúp học viên sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế như phỏng vấn nhân chứng, viết báo cáo hay tham gia điều tra quốc tế. Tại Singapore, lực lượng cảnh sát chú trọng đào tạo Tiếng Anh như một kỹ năng cốt lõi, với các khóa học chuyên sâu về giao tiếp trong môi trường đa văn hóa. Việc sử dụng tiếng Anh được coi là tiêu chuẩn bắt buộc trong hoạt động nghiệp vụ. Tại Hàn Quốc, các học viện cảnh sát áp dụng mô hình CLIL (Content and Language Integrated Learning), trong đó nội dung chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh. Phương pháp này giúp người học phát triển đồng thời kiến thức chuyên môn và năng lực ngôn ngữ. Những kinh nghiệm này cho thấy việc tích hợp tiếng Anh vào đào tạo nghiệp vụ là xu hướng tất yếu, đồng thời nhấn mạnh vai trò của môi trường học tập thực tiễn và phương pháp giảng dạy hiện đại.

c. *Đội ngũ GV có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn là trụ cột bảo đảm chất lượng đào tạo:* Trong bối cảnh giảng dạy TACN, GV không chỉ đóng vai trò là người truyền đạt kiến thức ngôn ngữ mà còn là người thiết kế môi trường học tập và kết nối giữa ngôn ngữ với thực tiễn nghề nghiệp. Trước hết, GV cần có năng lực liên ngành, kết hợp giữa kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết về nghiệp vụ Công an. Điều này cho phép họ xây dựng các tình huống học tập có tính xác thực, giúp SV hiểu rõ cách sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh cụ thể [2, tr. 22]. Bên cạnh đó, GV còn có khả năng đổi mới phương pháp giảng dạy, chuyển từ mô hình truyền thụ kiến thức sang mô hình học tập tích cực. Việc sử dụng các phương pháp như học theo tình huống, học theo nhiệm vụ hay mô phỏng nghiệp vụ giúp tăng tính tương tác và hiệu quả học tập. Ngoài ra, GV còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực học tập. Thông qua việc liên hệ nội dung bài học với thực tiễn nghề nghiệp, GV giúp SV nhận thức rõ ý nghĩa của việc học Tiếng Anh, từ đó nâng cao tinh thần tự học và trách nhiệm cá nhân. Sự kết hợp giữa kiến thức ngôn ngữ, hiểu biết nghiệp vụ và năng lực sư phạm cho phép GV thiết kế bài giảng có tính xác thực cao, gắn kết lý thuyết với bối cảnh nghề nghiệp. Việc tham gia hoạt động thực tế và cập nhật chuyên môn thường xuyên giúp nội dung giảng dạy phản ánh sát nhu cầu nghề nghiệp, đồng thời tăng tính thuyết phục và hiệu quả sư phạm.

d. *Đặc điểm của SV:* SV Học viện CSND ở độ tuổi trẻ, có khả năng tiếp thu nhanh, linh hoạt về nhận thức và sẵn sàng thử thách bản thân trong môi trường học tập giàu tính tương tác. Những đặc điểm này phù hợp với các phương pháp giảng dạy định hướng giao tiếp, yêu cầu của người học khi tham gia tích cực vào hoạt động mô phỏng tình huống, thảo luận nhóm và thực hành ngôn ngữ. Khả năng thích nghi cao của SV giúp giảm rào cản tâm lý khi tiếp cận các cấu trúc ngôn ngữ và thuật ngữ chuyên ngành có tính đặc thù, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp nhận và vận dụng kiến thức.

e. *Chất lượng đầu vào của người học rất cao:* SV được tuyển chọn thông qua quy trình nghiêm ngặt thường có nền tảng học tập tốt, tư duy logic và ý thức kỷ luật cao. Đặc điểm này có ý nghĩa đặc biệt trong việc học TACN, nơi SV cần xử lý đồng thời thông tin ngôn ngữ và nội dung nghiệp vụ [3, tr. 10].

Năng lực phân tích và tổ chức thông tin giúp SV hình thành hệ thống hiểu biết về thuật ngữ chuyên môn, tăng khả năng liên kết kiến thức và ứng dụng trong thực tiễn. Tính kỷ luật học tập còn hỗ trợ việc duy trì luyện tập thường xuyên, đây là yếu tố then chốt trong phát triển năng lực ngoại ngữ.

g. Sinh viên có lý tưởng nghề nghiệp rõ ràng: Việc hướng tới mục tiêu trở thành chiến sỹ Công an phục vụ xã hội và đất nước tạo ra động lực mạnh mẽ đối với quá trình học tập. Khi TACN được nhận thức như một công cụ nghề nghiệp thiết yếu, phục vụ hợp tác quốc tế, tiếp cận tài liệu chuyên môn và xử lý tình huống có yếu tố nước ngoài, SV có xu hướng tham gia tích cực hơn và luôn luôn duy trì sự nỗ lực. Lý tưởng nghề nghiệp này góp phần nâng cao tính tự chủ trong học tập và khả năng vượt qua khó khăn nhận thức.

h. Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy TACN ngày càng được nâng cao: Sự phát triển của công nghệ thông tin đã mở ra nhiều cơ hội mới trong giảng dạy TACN. Tại Học viện CSND, việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy mà còn tạo ra môi trường học tập hiện đại, phù hợp với xu thế giáo dục số. Một trong những ứng dụng quan trọng là sử dụng nền tảng học trực tuyến để quản lý nội dung học tập, giao bài tập và theo dõi tiến độ của SV. Các nền tảng như Moodle, Google Classroom hay Microsoft Teams cho phép GV tổ chức các hoạt động học tập linh hoạt, kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến. Bên cạnh đó, việc sử dụng video, mô phỏng 3D và thực tế ảo (VR) giúp tái hiện các tình huống nghiệp vụ một cách sinh động. SV có thể tham gia vào một tình huống giả định như kiểm tra hành chính tại sân bay hoặc xử lý một vụ việc có yếu tố nước ngoài, từ đó thực hành sử dụng tiếng Anh trong môi trường gần với thực tế. Ngoài ra, các công cụ học từ vựng như Quizlet, Anki hay Kahoot cũng giúp SV ghi nhớ thuật ngữ chuyên ngành hiệu quả hơn thông qua phương pháp lặp lại ngắt quãng và việc lặp lại có hệ thống là yếu tố quan trọng trong việc phát triển vốn từ vựng bền vững [6, tr. 33].

2.4.2. Khó khăn

Bên cạnh các điều kiện thuận lợi, giảng dạy TACN tại Học viện CSND cũng gặp một số thách thức, cụ thể: - SV Học viện CSND hệ chính quy là từ học sinh phổ thông trung học thường chưa có hiểu biết đầy đủ về lĩnh vực nghiệp vụ Công an, trong khi TACN Cảnh sát đòi hỏi khả năng tiếp cận đồng thời kiến thức chuyên môn và ngôn ngữ chuyên ngành. Việc xử lý hai tầng thông tin này có thể làm gia tăng tải nhận thức, ảnh hưởng đến tốc độ tiếp thu và khả năng ghi nhớ nếu không có thiết kế sư phạm phù hợp nhằm từng bước xây dựng khung khái niệm cho người học; - Sự chuyển đổi từ môi trường học tập của SV từ phổ thông trung học sang mô hình đào tạo đại học cũng là một thách thức đáng kể. Nhiều SV quen với phương pháp học thiên về ngữ pháp và đọc hiểu, trong khi TACN yêu cầu năng lực sử dụng ngôn ngữ trong tình huống thực tế. Việc thích nghi với các hoạt động như thảo luận, đóng vai và làm việc nhóm đòi hỏi thời gian, sự hướng dẫn có hệ thống và môi trường học tập khuyến khích thử nghiệm ngôn ngữ. Nếu thiếu sự thích nghi này, người học có thể hình thành tâm lý e dè, làm giảm hiệu quả tương tác [2, tr. 32]; - Áp lực về thời gian là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình học tập. Lịch học dày đặc cùng các hoạt động rèn luyện ngoại khóa làm hạn chế quỹ thời gian dành cho tự học, đây được coi là một yếu tố vốn có vai trò quyết định trong phát triển năng lực ngoại ngữ. Khi việc luyện tập không được duy trì thường xuyên, khả năng củng cố kiến thức và kỹ năng sẽ bị gián đoạn, dẫn đến kết quả học tập thiếu ổn định; - Sĩ số lớp học lớn đặt ra thách thức trong tổ chức dạy học tương tác. Với số lượng SV đông, GV gặp khó khăn trong việc theo dõi tiến bộ cá nhân, cung cấp phản hồi kịp thời và tạo cơ hội thực hành đồng đều. Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến các hoạt động giao tiếp, thành phần cốt lõi của TACN; - Yếu tố tâm lý người học cũng cần được xem xét. Một số SV còn thiếu tự tin khi tham gia hoạt động cặp hoặc nhóm, phần nào do thói quen học tập trước đây ít chú trọng tương tác. Tâm lý lo ngại sai sót có thể làm giảm mức độ tham gia, từ đó hạn chế cơ hội thực hành ngôn ngữ, đây là điều kiện thiết yếu cho phát triển kỹ năng giao tiếp; - Khối lượng thuật ngữ chuyên ngành lớn là một thách thức học thuật đáng kể. Hệ thống từ vựng liên quan đến pháp lý, điều tra và quản lý an ninh đòi hỏi độ chính xác cao trong hiểu và sử dụng. Nếu thiếu chiến lược học tập theo ngữ cảnh và lặp lại có hệ thống, người học dễ rơi vào tình trạng quá tải thông tin; - Yêu cầu đánh giá toàn diện bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc viết tạo ra khoảng cách giữa chuẩn đầu ra và kinh nghiệm học tập trước đây của SV. Việc phát triển đồng đều các kỹ năng cần thời gian, phương pháp giảng dạy phù hợp và cơ chế phản hồi liên tục nhằm

hỗ trợ người học điều chỉnh chiến lược học tập.

2.4.3. Đề xuất một số giải pháp

Từ góc nhìn của một GV nhận thấy những thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy TACN tại Học viện CSND, tác giả đưa ra một số giải pháp để khai thác tối đa lợi thế sẵn có của môi trường đào tạo, đồng thời giảm thiểu các rào cản về nhận thức, phương pháp và tổ chức dạy học tại Học viện.

a. *Cần thiết kế chương trình phù hợp cho SV khi phải tiếp cận đồng thời kiến thức chuyên môn và ngôn ngữ*: Cụ thể, nội dung chuyên ngành nên được phân tầng từ cơ bản đến nâng cao, kết hợp với việc giới thiệu thuật ngữ trong các ngữ cảnh quen thuộc trước khi chuyển sang tình huống nghiệp vụ phức tạp. Lợi thế về chất lượng đầu vào và tư duy logic của SV có thể được khai thác thông qua các hoạt động phân tích tình huống, sơ đồ hóa kiến thức và xây dựng hệ thống thuật ngữ theo chủ đề, qua đó giảm áp lực nhận thức và tăng khả năng ghi nhớ lâu dài.

Tăng cường tự học thông qua mô hình học tập kết hợp. Tự học là yếu tố then chốt trong việc phát triển năng lực ngoại ngữ. Phương pháp tự học là khả năng người học tự chịu trách nhiệm về việc học của mình. Trong môi trường đào tạo có tính kỷ luật cao như Học viện CSND, đây là một lợi thế có thể khai thác hiệu quả. Việc triển khai mô hình học tập kết hợp cho phép kéo dài thời gian tiếp xúc với ngôn ngữ ngoài lớp học. Các nền tảng như Moodle hoặc Google Classroom có thể được sử dụng để giao nhiệm vụ, theo dõi tiến độ và cung cấp phản hồi. Ngoài ra, việc áp dụng nguyên lý lặp lại ngắt quãng trong học từ vựng đã được chứng minh là giúp tăng khả năng ghi nhớ dài hạn cùng các công cụ như Quizlet hoặc Anki có thể hỗ trợ hiệu quả cho mục tiêu này.

b. *Hỗ trợ quá trình chuyển đổi từ phương pháp học truyền thống sang học tập tương tác*: GV cần tận dụng đặc điểm năng động và khả năng thích nghi của SV để thiết kế các hoạt động học tập theo lộ trình [5, tr. 20]. Giai đoạn đầu có thể sử dụng các nhiệm vụ có mức độ kiểm soát cao (guided tasks), sau đó từng bước mở rộng sang các hoạt động giao tiếp tự do hơn như mô phỏng tình huống nghiệp vụ, tranh luận và giải quyết vấn đề. Đồng thời, việc xây dựng môi trường lớp học an toàn về mặt tâm lý, trong đó sai sót được xem là một phần tất yếu của quá trình học sẽ góp phần giảm tâm lý e dè và tăng cường mức độ tham gia của người học.

Đổi mới phương pháp giảng dạy theo lộ trình phát triển năng lực. Việc dạy ngoại ngữ hiện đại cần chuyển từ “dạy cái gì” sang “dạy như thế nào để người học sử dụng được ngôn ngữ”. Điều này đòi hỏi phương pháp giảng dạy phải hướng tới phát triển năng lực giao tiếp. Việc áp dụng phương pháp dạy học theo nhiệm vụ là đặc biệt phù hợp giúp người học sử dụng ngôn ngữ như một công cụ để hoàn thành nhiệm vụ, thay vì học ngôn ngữ một cách tách rời. Cụ thể, GV có thể thiết kế các nhiệm vụ như: Mô phỏng tình huống kiểm tra giấy tờ của người nước ngoài; Thực hành phỏng vấn nhân chứng; Viết báo cáo sự việc bằng tiếng Anh... Quá trình này nên được triển khai theo lộ trình từ nhiệm vụ có kiểm soát đến nhiệm vụ mở. Đồng thời, việc xây dựng môi trường học tập an toàn về mặt tâm lý cũng rất quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp thu ngôn ngữ của người học.

c. *Khắc phục hạn chế về thời gian tự học cần phát huy tính kỷ luật và động lực nghề nghiệp của SV thông qua việc tổ chức các mô hình học tập kết hợp*: GV có thể thiết kế hệ thống bài tập trực tuyến, nhật ký học tập hoặc nhiệm vụ tự học có hướng dẫn nhằm duy trì sự tiếp xúc thường xuyên với ngôn ngữ ngoài giờ học. Việc gắn nội dung tự học với các tình huống nghề nghiệp cụ thể sẽ giúp tăng tính ý nghĩa và thúc đẩy động lực nội tại của người học.

d. *Đối với vấn đề sĩ số lớp học lớn cần áp dụng các chiến lược tổ chức lớp học linh hoạt nhằm tối ưu hóa cơ hội thực hành*: Việc chia nhóm nhỏ, phân công vai trò cụ thể trong hoạt động giao tiếp và sử dụng công nghệ hỗ trợ có thể giúp GV theo dõi tiến bộ của SV hiệu quả hơn. Đồng thời, lợi thế về cơ sở vật chất hiện đại của Học viện có thể được khai thác để tổ chức các hoạt động mô phỏng qua đó tăng cường tính tương tác trong lớp học đồng.

e. *Thách thức về khối lượng thuật ngữ chuyên ngành cần xây dựng chiến lược phát triển từ vựng theo hướng tích hợp*: Thay vì dạy từ vựng một cách rời rạc, GV nên thiết kế các hoạt động học tập dựa trên ngữ cảnh, kết

hợp lập lại có hệ thống và ứng dụng trong tình huống thực tế. Việc sử dụng sơ đồ tư duy, bảng thuật ngữ theo chủ đề và các bài tập tình huống sẽ giúp SV hình thành mạng lưới kiến thức từ vựng bền vững [8, tr. 13].

Phát triển từ vựng chuyên ngành theo hướng ngữ cảnh hóa. Từ vựng là nền tảng của năng lực ngôn ngữ. Tuy nhiên, việc học từ vựng hiệu quả không chỉ dựa vào số lượng mà còn phụ thuộc vào độ sâu xử lý. Trong TACN việc dạy từ vựng cần gắn với ngữ cảnh cụ thể. Điều này giúp người học hiểu cách sử dụng trong thực tế. Ngoài ra, việc xây dựng ngân hàng thuật ngữ theo chủ đề và yêu cầu SV sử dụng từ vựng trong nói và viết sẽ giúp chuyển hóa kiến thức từ thụ động sang chủ động

g. Xây dựng hệ thống đánh giá theo hướng tích hợp và liên tục: Để thu hẹp khoảng cách giữa yêu cầu đánh giá và năng lực thực tế của SV cần xây dựng hệ thống đánh giá theo hướng tích hợp và liên tục. Các hình thức đánh giá nên phản ánh năng lực giao tiếp nghề nghiệp thay vì chỉ tập trung vào kiến thức ngôn ngữ đơn lẻ. Việc kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết cùng với phản hồi kịp thời từ GV sẽ hỗ trợ SV điều chỉnh chiến lược học tập và phát triển đồng đều bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe-nói-đọc-viết). Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, việc nâng cao năng lực TACN cho lực lượng CAND không chỉ là yêu cầu mang tính chiến lược mà còn là điều kiện tiên quyết để đáp ứng hiệu quả các nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

Như vậy, giảng dạy TACN tại Học viện CSND có nhiều thuận lợi về môi trường đào tạo, chất lượng người học và sự quan tâm của lãnh đạo. Tuy nhiên, những khó khăn về phương pháp học tập, áp lực thời gian, khối lượng kiến thức và đặc thù ngôn ngữ chuyên ngành đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ và sáng tạo. Việc đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy và đánh giá theo hướng tích hợp, gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ và học hỏi kinh nghiệm quốc tế sẽ tạo ra những bước tiến mới trong giảng dạy TACN. Trong tương lai, TACN không chỉ là một môn học mà cần được xem là một năng lực nghề nghiệp cốt lõi, góp phần xây dựng lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và hội nhập quốc tế.

3. Kết luận

Giảng dạy TACN là một lĩnh vực mang tính đặc thù, vừa tạo ra nhiều cơ hội nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ trong môi trường nghề nghiệp, vừa đặt ra không ít thách thức cho cả người dạy và người học. Giảng dạy TACN tại Học viện CSND có nhiều lợi thế về SV, GV và điều kiện, môi trường đào tạo. Tuy nhiên, các thách thức về phương pháp học, khối lượng kiến thức và điều kiện lớp học đòi hỏi cách tiếp cận đổi mới toàn diện. Việc tích hợp phù hợp giữa ngôn ngữ với thực tiễn nghề nghiệp sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển năng lực ngoại ngữ bền vững cho SV. Trên cơ sở đó, các giải pháp được đề xuất theo hướng tích hợp, tập trung vào tối ưu hóa chương trình, đổi mới phương pháp và tăng cường tính gắn kết với bối cảnh nghề nghiệp. Nâng cao chất lượng giảng dạy TACN cần có sự đầu tư đồng bộ: nâng cao năng lực cho giáo viên, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng thực tiễn, đồng thời xây dựng và lựa chọn giáo trình phù hợp với bối cảnh cụ thể. Khi giải quyết tốt những vấn đề này, TACN sẽ thực sự trở thành công cụ hữu hiệu giúp người học hội nhập và phát triển trong môi trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2] Bộ Công an (2021). *Chiến lược phát triển lực lượng Công an nhân dân đến năm 2030.* NXB Hà Nội.
- [3] Bộ Công an (2024). *Các văn bản về đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ trong lực lượng Công an nhân dân.* NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2014 ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*
- [5] Đại học Quốc gia Hà Nội (2019). *Giáo trình Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Hà Thị Như Hoa, Nguyễn Nhật Anh, Phan Thị Như Mai, Nguyễn Bằng Giang, Phạm Thị Mai Anh, Trần Thanh Tâm (2022). *Chinh phục toàn diện ngữ pháp tiếng Anh bằng Infographic.* NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Như Hoa (2020). *Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ và phát triển năng lực giao tiếp.* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Quốc Hùng (2018). *Dạy học Tiếng Anh: Xu hướng dạy học Tiếng Anh mới.* NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Văn Anh (2020). *Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành tại Việt Nam.* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Lăng Bình (2020). *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học.* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.